TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Q** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **47**/2021/QĐST-DS	*Tuyên Quang, ngày 02 tháng 4 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 25 tháng 3 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 07/2021/TLST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2021

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự

* Nguyên đơn: Bà **Lê Thị C**, sinh năm 1960

Địa chỉ: Thôn 2, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang

* Bị đơn: - Ông **Trần Trọng T**, sinh năm 1976;

- Bà **Hứa Thị H**, sinh năm 1952;
- Bà **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1977

Cùng trú tại địa chỉ: Số nhà 19, đường Ngô Quyền, tổ 16, phường M, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Chị **Trần Thị Thanh V**, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số nhà 09, tổ 16 (tổ 35 cũ), phường M, thành phố Q.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về trách nhiệm thanh toán nợ:

Anh Trần Trọng T phải trả cho bà Lê Thị C số tiền 132.780.000đ (Một trăm ba mươi hai triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng), trong đó tiền gốc là 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng) và tiền lãi là 22.780.000đ (Hai mươi hai triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng);

Bà Hứa Thị H phải trả cho bà C 94.140.000 đồng (*Chín mươi tư triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng*), trong đó tiền gốc là 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*) và lãi là 14.140.000 đồng (*Mười bốn triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng*);

Chị Nguyễn Thị Thu H phải trả cho bà Cập 38.640.000 đồng, trong đó tiền gốc là 30.000.000 đồng, tiền lãi chậm trả 8.640.000 đồng (đối với khoản vay cùng với anh T).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về án phí:

Anh Trần Trọng T phải chịu 1.176.750 đồng (*Một triệu một trăm bẩy mươi sáu nghìn bẩy trăm năm mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với khoản nợ 94.140.000 đồng (*Chín mươi tư triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng*) và tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngách là 483.000 đồng (*Bốn trăm tám mươi ba nghìn đồng*) đối với khoản nợ 38.640.000 đồng (*Ba mươi tám triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng*); Tổng cộng số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch anh T phải chịu là: 1.659.750 đồng (*Một triệu sáu trăm năm mươi chín nghìn bẩy trăm năm mươi đồng*);

Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là là 483.000 đồng (*Bốn trăm tám mươi ba nghìn đồng*) đối với khoản nợ phải trả bà Lê Thị C là 38.640.000 đồng (*Ba mươi tám triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng*);

Bà Hứa Thị H được miễn 1.176.750 đồng (*Một triệu một trăm bẩy mươi sáu nghìn bẩy trăm năm mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với khoản nợ phải trả bà Lê Thi Cấp là 94.140.000 đồng (*Chín mươi tư triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng*) .

Bà Lê Thị C được miễn 3.319.500 đồng (*Ba triệu ba trăm mười chín nghìn năm trăm đồng*). Trả lại cho bà Lê Thị C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.500.000đ (*Năm triệu năm trăm nghìn đồng*), theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000795 ngày 18/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q.

- Về thoả thuận khác: Trả cho chị Trần Thị Thanh V Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 326496 số vào sổ cấp GCNQSD đất số 000727/MX do UBND thành phố Q cấp ngày 08/3/2013 đứng tên Trần Thị Thanh V (bản chính).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tp Tuyên Quang (2 bản);
- Chi cục THADS tp Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, TA.

Vương Thị Lan